



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP**  
**YÊN BÁI**

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP**  
**YÊN BÁI**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>2 - 3</b>
<b>3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4 - 5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>13 - 33</b>

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200824701 ngày 05 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp và các Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 ngày 27 tháng 7 năm 2015 và số 0558173156 ngày 15 tháng 6 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Yên Bái cấp. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 10 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và 04 lần được cấp Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, trong đó:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 2 năm 2023 do thay đổi người đại diện theo pháp luật;
- Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi 04 lần về tên dự án, quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án. Trong đó, Giấy chứng nhận đầu tư số 5048873534 thay đổi lần thứ 04 ngày 22 tháng 4 năm 2019 điều chỉnh quy mô của dự án, diện tích mặt đất sử dụng, tổng vốn đầu tư và tiến độ thực hiện dự án.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
- Điện thoại : 0216 351 1222

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 10 năm 2021
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên	Ngày 23 tháng 10 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	Ngày 25 tháng 6 năm 2022

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Mai Đình Đình	Ủy viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Đình Chính	Ủy viên	Ngày 27 tháng 6 năm 2020

**Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Hoàng Anh Quân	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 09 tháng 02 năm 2023
Ông Huỳnh Song Trà	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 02 năm 2023
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2019
Bà Đào Thị Dụ	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 06 tháng 12 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Song Trà – Giám đốc (đến ngày 09 tháng 02 năm 2023) và Ông Hoàng Anh Quân – Giám đốc (từ ngày 09 tháng 02 năm 2023).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

498  
HI N  
CÓN  
NHỊ  
DÁN  
A 4  
11 H  
02

# A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trung Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn  
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn  
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn  
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 2.0568/23/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CÒ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.


15-1  
HÁI  
G T  
M H  
V A  
C  
I N  
14

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Không phù nhận ý kiến đã nêu, chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.16 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ về việc trình bày, phân loại các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Trần Kim Anh – Thành viên Ban Giám đốc**

*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1907-2023-008-1*

Người được uỷ quyền

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

102  
H  
U  
V

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>264.277.952.874</b>	<b>198.116.139.027</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17.700.841.056</b>	<b>19.440.056.143</b>
1. Tiền	111		17.700.841.056	19.440.056.143
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>166.944.864.444</b>	<b>94.801.883.848</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	103.879.299.654	89.408.787.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	65.742.038.192	8.135.438.350
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	648.712.150	488.462.486
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.325.185.552)	(3.230.804.052)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>55.582.195.870</b>	<b>66.888.324.318</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	55.582.195.870	66.888.324.318
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.050.051.504</b>	<b>16.985.874.718</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	4.390.760.404	1.953.982.733
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.641.669.710	15.014.330.635
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	17.621.390	17.561.350
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>218.314.823.349</b>	<b>212.285.068.618</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>346.953.700</b>	<b>346.953.700</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	346.953.700	346.953.700
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>194.964.826.257</b>	<b>189.032.640.708</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	90.485.280.439	84.633.014.531
<i>Nguyên giá</i>	222		137.393.061.459	126.918.946.641
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(46.907.781.020)	(42.285.932.110)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	104.479.545.818	104.399.626.177
<i>Nguyên giá</i>	225		146.308.004.703	141.460.731.976
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(41.828.458.885)	(37.061.105.799)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		70.500.000	70.500.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(70.500.000)	(70.500.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>275.369.400</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		275.369.400	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>14.618.710.849</b>	<b>14.629.996.685</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	14.850.000.000	14.850.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	(231.289.151)	(220.003.315)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.108.963.143</b>	<b>8.275.477.525</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.108.963.143	8.275.477.525
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>482.592.776.223</b>	<b>410.401.207.645</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>308.206.765.024</b>	<b>235.603.386.149</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>250.931.159.033</b>	<b>194.494.101.528</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	39.262.642.263	35.979.830.297
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	9.374.104.550	1.277.256.046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.659.017.271	181.442.602
4. Phải trả người lao động	314		2.310.905.600	3.381.773.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.668.249.981	1.995.258.938
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	7.354.991.736	361.169.496
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	187.301.247.632	151.317.371.149
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>57.275.605.991</b>	<b>41.109.284.621</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	57.275.605.991	41.109.284.621
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>174.386.011.199</b>	<b>174.797.821.496</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>174.386.011.199</b>	<b>174.797.821.496</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		142.998.800.000	142.998.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.416.238.169	8.416.238.169
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.970.973.030	23.382.783.327
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		16.232.843.327	23.382.783.327
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.738.129.703	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>482.592.776.223</b>	<b>410.401.207.645</b>

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng



Đào Thị Dịu

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	255.178.280.034	226.077.473.296
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.678.198.130	31.815.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		253.500.081.904	226.045.658.296
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	180.168.804.180	150.443.812.798
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.331.277.724	75.601.845.498
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	902.610.709	1.452.767.856
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.609.821.386	7.300.909.143
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.051.014.099	6.723.131.858
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	54.477.408.362	60.565.494.698
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.774.072.878	1.960.990.616
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.372.585.807	7.227.218.897
11. Thu nhập khác	31		188.026	779.267
12. Chi phí khác	32		1.027.853	7.992.233
13. Lợi nhuận khác	40		(839.827)	(7.212.966)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.371.745.980	7.220.005.931
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.633.616.277	1.450.696.615
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.738.129.703</u>	<u>5.769.309.316</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng



Đào Thị Dịu



Hoàng Anh Quân

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

10

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.371.745.980	7.220.005.931
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	9.389.201.996	9.189.472.804
- Các khoản dự phòng	03	VI.5, VI.7	105.667.336	11.360.844
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	1.219.146.624	218.453.155
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(417.123.288)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	7.051.014.099	6.723.131.858
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.136.776.035	22.945.301.304
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.548.785.038)	36.447.045.462
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		11.306.128.448	(42.943.190.368)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		762.613.230	8.536.845.076
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.270.263.289)	36.748.092
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.289.399.844)	(7.023.206.760)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(178.154.845)	(975.238.880)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.081.085.303)</b>	<b>17.024.303.926</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(61.890.336.847)	(2.951.665.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		4.847.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	15.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2	7.525.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	417.123.288
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(49.518.064.120)</b>	<b>12.465.457.833</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

11

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	254.005.532.817	185.405.604.726
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(197.509.369.025)	(208.737.677.238)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.16b	(5.603.919.059)	(8.412.023.849)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>50.892.244.733</b>	<b>(31.744.096.361)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(1.706.904.690)</b>	<b>(2.254.334.602)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>19.440.056.143</b>	<b>7.396.606.278</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(32.310.397)</b>	<b>2.083.394</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>17.700.841.056</b>	<b>5.144.355.070</b>

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu

Giám đốc



Hoàng Anh Quân

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub>.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty TNHH TALC Việt Nam có trụ sở chính tại 136 phố Vàng, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác quặng TALC. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 152 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 137 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Năm Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Năm Thăng Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

##### **3. Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí san lấp mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí san lấp mặt bằng*

Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 50 năm.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	5

#### 9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

#### 15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.116.088.024	1.679.298.438
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.584.753.032	17.760.757.705
<b>Cộng</b>	<b>17.700.841.056</b>	<b>19.440.056.143</b>

#### 2. Đầu tư vào công ty con

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH TALC Việt Nam. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600441779 ngày 15 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH TALC Việt Nam 14.850.000.000 VND, tương đương 99% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn theo đăng ký, không thay đổi so với số đầu năm.

Theo Nghị quyết số 23.09/NQ-HĐQT ngày 28/6/2023 của Hội đồng quản trị, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH TALC Việt Nam cho Công ty Cổ phần Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Bắc với giá chuyển nhượng là 14.850.000.000 VND. Việc chuyển nhượng phần vốn góp và hoàn tất thanh toán được thực hiện vào ngày 03/8/2023. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nhận ứng trước tiền thanh toán 7.525.000.000 VND (Xem thuyết minh số V.12).

#### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư, do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Tình hình hoạt động của công ty con*

Kỳ này, hoạt động của Công ty con tiếp tục bị lỗ 11.475.600 VND (cùng kỳ năm trước lỗ 11.475.600 VND).

*Dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào công ty con*

Tình hình biến động dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	220.003.315	200.101.611
Trích lập dự phòng bổ sung	11.285.836	11.360.844
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>231.289.151</u></b>	<b><u>211.462.455</u></b>

*Giao dịch với công ty con*

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>54.599.896.101</i>	<i>54.972.807.664</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	23.517.225.697	20.637.718.145
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	12.451.710.700	16.416.335.848
Công ty Cổ phần Polyfill	18.570.790.084	17.858.584.051
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	60.169.620	60.169.620
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>49.279.403.553</i>	<i>34.435.979.400</i>
Công ty Cổ phần Khải Hoàn Plastic	9.015.270.000	5.675.476.000
Jupiter Chemicals	5.416.275.095	2.455.199.478
Công ty Cổ phần Khoáng sản GCC	4.171.643.350	2.749.954.900
Poly pipes India Pvt Ltd	4.024.656.580	1.333.170.972
Các khách hàng khác	26.651.558.528	22.222.178.050
<b>Cộng</b>	<b><u>103.879.299.654</u></b>	<b><u>89.408.787.064</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng khu vực trong nước</i>	<i>84.146.660.315</i>	<i>77.736.436.119</i>
<i>Phải thu khách hàng khu vực nước ngoài</i>	<i>19.732.639.339</i>	<i>11.672.350.945</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>103.879.299.654</u></b>	<b><u>89.408.787.064</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>14.214.967.525</i>	<i>5.061.428.833</i>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam <sup>(i)</sup>	14.214.967.525	5.061.428.833
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>51.527.070.667</i>	<i>3.074.009.517</i>
Yingkou Ruifeng Powder Equipment Co., Ltd <sup>(ii)</sup>	42.408.240.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	1.070.540.942
Các nhà cung cấp khác	8.048.289.725	2.003.468.575
<b>Cộng</b>	<b><u>65.742.038.192</u></b>	<b><u>8.135.438.350</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

20

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (i) Ứng trước tiền mua đá CaCO<sub>3</sub> cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2023/YBM-MARBLE ngày 18/4/2023. Giá trị ứng trước này được bù trừ toàn bộ vào giá trị thanh toán ở các lần giao hàng tiếp theo, nếu còn thừa sẽ thu hồi lại trước ngày 05/8/2023.
- (ii) Ứng trước tiền mua 2 dây chuyền máy nghiền đá cho Yingkou Ruifeng Powder Equipment Co., Ltd theo các hợp đồng số E20230306A ngày 12/03/2023 và E20230330A ngày 30/03/2023. Trong đó, 1 dây chuyền máy nghiền đá là Công ty nhận ủy thác nhập khẩu của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, số tiền 840.000 USD (tương đương 19.876.866.000 VND) nhằm thuê tài chính lại tài sản này theo Hợp đồng thuê tài chính số 106.23.04/CTTC ngày 08/3/2023 (Xem thuyết minh số V.16b).

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

Là thuế GTGT của tài sản thuê tài chính.

**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ thuê tài chính dài hạn.

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Vũ Gia Hải Dương	1.070.540.942	(1.070.540.942)	1.070.540.942	(1.070.540.942)
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Dịch vụ Hoàng Anh Phát	261.866.730	(261.866.730)	261.866.730	(261.866.730)
Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	982.514.540	(982.514.540)	982.514.540	(982.514.540)
Công ty TNHH Nguyên liệu Công nghiệp Thủy Phạm	243.979.736	(243.979.736)	243.979.736	(243.979.736)
Các tổ chức và cá nhân khác	766.283.604	(766.283.604)	716.902.104	(671.902.104)
<b>Cộng</b>	<b>3.325.185.552</b>	<b>(3.325.185.552)</b>	<b>3.275.804.052</b>	<b>(3.230.804.052)</b>

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.230.804.052	-
Trích lập dự phòng bổ sung	94.381.500	-
Số cuối kỳ	<b>3.325.185.552</b>	-

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	46.103.387.899	-	64.424.644.451	-
- Nguyên vật liệu chính	23.203.982.292	-	21.444.204.745	-
- Bao bì	22.899.405.607	-	42.980.439.706	-
Công cụ, dụng cụ	3.623.191.231	-	1.313.235.201	-
Thành phẩm	5.772.688.070	-	1.150.444.666	-
Hàng gửi đi bán	82.928.670	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>55.582.195.870</b>	-	<b>66.888.324.318</b>	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.776.068.327	1.810.341.901
Chi phí sửa chữa	325.409.333	41.574.453
Chi phí bán hàng xuất khẩu	1.084.103.815	-
Các chi phí khác	205.178.929	102.066.379
<b>Cộng</b>	<b><u>4.390.760.404</u></b>	<b><u>1.953.982.733</u></b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.013.924	16.997.573
Chi phí san lấp mặt bằng (*)	7.658.103.051	7.748.857.402
Chi phí sửa chữa	311.514.671	327.914.915
Chi phí bảo hiểm	10.987.768	32.865.640
Các chi phí khác	126.343.729	148.841.995
<b>Cộng</b>	<b><u>8.108.963.143</u></b>	<b><u>8.275.477.525</u></b>

(\*) Là chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng của dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Chi phí này được phân bổ trong vòng 600 tháng kể từ 01/01/2016. Giá trị thi công san lấp mặt bằng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (Xem thuyết minh số V.16).

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	69.014.969.607	43.279.392.707	13.386.137.872	697.924.455	540.522.000	126.918.946.641
Mua trong kỳ (*)		4.959.964.818	8.526.363.636			13.486.328.454
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.835.059.091	-	-	-	-	1.835.059.091
Bán trong kỳ (*)		<u>(2.427.272.727)</u>	<u>(2.420.000.000)</u>			<u>(4.847.272.727)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>70.850.028.698</u></b>	<b><u>45.812.084.798</u></b>	<b><u>19.492.501.508</u></b>	<b><u>697.924.455</u></b>	<b><u>540.522.000</u></b>	<b><u>137.393.061.459</u></b>
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	210.895.454	494.981.818	-	407.431.000	-	1.113.308.272
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	16.342.376.938	17.464.839.258	7.669.256.710	558.416.764	251.042.440	42.285.932.110
Khấu hao trong kỳ	1.858.316.153	1.913.855.838	765.471.443	30.153.276	54.052.200	4.621.848.910
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>18.200.693.091</u></b>	<b><u>19.378.695.096</u></b>	<b><u>8.434.728.153</u></b>	<b><u>588.570.040</u></b>	<b><u>305.094.640</u></b>	<b><u>46.907.781.020</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	<u>52.672.592.669</u>	<u>25.814.553.449</u>	<u>5.716.881.162</u>	<u>139.507.691</u>	<u>289.479.560</u>	<u>84.633.014.531</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>52.649.335.607</u></b>	<b><u>26.433.389.702</u></b>	<b><u>11.057.773.355</u></b>	<b><u>109.354.415</u></b>	<b><u>235.427.360</u></b>	<b><u>90.485.280.439</u></b>
<b>Trong đó:</b>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

22



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (\*) Trong kỳ, Công ty đã mua các TSCĐ là máy xúc lật, xe nâng và bán lại cho Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để sử dụng tài sản dưới hình thức thuê tài chính.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách 67.497.660.500 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.16).

**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	141.460.731.976	-	141.460.731.976
Thuê tài chính trong kỳ (*)	2.427.272.727	2.420.000.000	4.847.272.727
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>143.888.004.703</b>	<b>2.420.000.000</b>	<b>146.308.004.703</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	37.061.105.799	-	37.061.105.799
Khấu hao trong kỳ	4.670.334.442	97.018.644	4.767.353.086
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>41.731.440.241</b>	<b>97.018.644</b>	<b>41.828.458.885</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	104.399.626.177	-	104.399.626.177
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>102.156.564.462</b>	<b>2.322.981.356</b>	<b>104.479.545.818</b>

- (\*) Xem thuyết minh số V.9.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>6.110.813.524</b>	<b>3.313.193.612</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	2.324.932.224	802.193.612
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	3.785.881.300	2.511.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>33.151.828.739</b>	<b>32.666.636.685</b>
Công ty Cổ phần Mông Sơn	-	4.175.821.060
Công ty TNHH DL&TV	3.958.720.013	1.749.950.011
Các nhà cung cấp khác	29.193.108.726	26.740.865.614
<b>Cộng</b>	<b>39.262.642.263</b>	<b>35.979.830.297</b>
<b>Trong đó:</b>		
Các nhà cung cấp khu vực trong nước	36.050.261.063	30.870.670.471
Các nhà cung cấp khu vực nước ngoài	3.212.381.200	5.109.159.826
<b>Cộng</b>	<b>39.262.642.263</b>	<b>35.979.830.297</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Bắc (*)	7.525.000.000	-
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	-	291.918.550
Các khách hàng khác	1.849.104.550	985.337.496
<b>Cộng</b>	<b>9.374.104.550</b>	<b>1.277.256.046</b>

- (\*) Là khoản nhận tiền ứng trước chuyển nhượng vốn góp Công ty con (Xem thuyết minh V.2).

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.947.179.264	(2.947.179.264)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.521.350	3.284.252.990	(3.284.253.030)	-	17.521.390
Thuế thu nhập doanh nghiệp	178.154.845	-	1.633.616.277	(178.154.845)	1.633.616.277	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.287.757	-	98.243.606	(76.130.369)	25.400.994	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	40.000	4.540.000	(4.600.000)	-	100.000
<b>Cộng</b>	<b>181.442.602</b>	<b>17.561.350</b>	<b>7.970.832.137</b>	<b>(6.493.317.508)</b>	<b>1.659.017.271</b>	<b>17.621.390</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.371.745.980	7.220.005.931
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(203.664.595)	33.477.142
- Các khoản điều chỉnh tăng	163.572.076	33.477.142
- Các khoản điều chỉnh giảm	(367.236.671)	-
Thu nhập chịu thuế	8.168.081.385	7.253.483.073
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.633.616.277</b>	<b>1.450.696.615</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	365.229.370	603.615.115
Chi phí vận chuyển, làm hàng xuất khẩu	3.303.020.611	1.391.643.823
<b>Cộng</b>	<b>3.668.249.981</b>	<b>1.995.258.938</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>162.000.000</i>	<i>324.000.000</i>
Thù lao HĐQT, BKS	162.000.000	324.000.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.192.991.736</i>	<i>37.169.496</i>
Cổ tức phải trả	7.149.940.000	-
Kinh phí công đoàn	40.459.328	37.169.496
BHXH, BHYT, BHTN	2.592.408	-
<b>Cộng</b>	<b><u>7.354.991.736</u></b>	<b><u>361.169.496</u></b>

**16. Vay và nợ thuê tài chính****16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(i)</sup>	74.029.442.187	62.454.496.109
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I <sup>(ii)</sup>	113.271.805.445	88.862.875.040
<b>Cộng</b>	<b><u>187.301.247.632</u></b>	<b><u>151.317.371.149</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long:** Vay theo Hợp đồng tín dụng số 15/2023-HĐCVHM/NHCT140-YBM ngày 26/6/2023, hạn mức tín dụng là 120 tỷ VND, thời hạn cấp hạn mức tới hết ngày 26/6/2024, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bột đá. Lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh 1 tháng một lần (tại ngày kết thúc kỳ kế toán là từ 7,3% - 8,5%/năm), thời hạn vay tối đa không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền tài sản và lợi ích gắn liền hoặc phát sinh thu được từ việc hình thành, kinh doanh, khai thác Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa Taical và sản xuất bột đá CaCO<sub>3</sub> tại Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái; Quyền phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển của Công ty và một số nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).

(ii) **Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I:** Vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2022/7958039/HĐTD ngày 26/10/2022 với hạn mức tín dụng là 119.600.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức tới hết ngày 30/9/2023, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất và thời hạn vay từng lần được quy định trên từng giấy nhận nợ (tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 7,5%/năm đối với đồng tiền vay là VND; 4,4%/năm đối với đồng tiền vay là USD). Khoản vay được bảo đảm bằng Quyền sở hữu đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX818982 do UBND tỉnh Yên Bái cấp; giá trị thi công san lấp nhà xưởng số 1, 2, 3 và nhà kho số 1, 2 (Xem thuyết minh số V.8b) và một số nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty (Xem thuyết minh số V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	151.317.371.149	167.342.618.652
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	214.189.924.097	185.405.604.726
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(179.409.369.025)	(206.377.677.238)
Tăng do đánh giá lại CLTG cuối kỳ	1.203.321.411	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>187.301.247.632</u></b>	<b><u>146.370.546.140</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>14.136.000.000</b>	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(i)</sup>	14.136.000.000	-
<b>Vay dài hạn các cá nhân</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>22.600.000.000</b>
Bà Hồ Nhật Lệ <sup>(ii)</sup>	4.500.000.000	10.000.000.000
Bà Hoàng Thị Phương <sup>(iii)</sup>	-	12.600.000.000
Bà Đặng Minh Trang <sup>(iv)</sup>	5.000.000.000	-
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>33.639.605.991</b>	<b>18.509.284.621</b>
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội <sup>(v)</sup>	417.723.274	765.825.984
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(vi)</sup>	33.221.882.717	17.743.458.637
<b>Cộng</b>	<b>57.275.605.991</b>	<b>41.109.284.621</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính đến hạn trả từ ngày 1 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 được trình bày tổng hợp trong mục "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn", số tiền 11.440.243.712 VND (số đầu năm: 8.175.477.936 VND).

- (i) **Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long:** Vay theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 16/2023-HDDCV/DADADD/NHCT140-YBM ngày 26/06/2023, hạn mức 20.800.000.000 VND nhằm mục đích đầu tư máy nghiền thủy lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 tháng. Lãi suất vay thả nổi, điều chỉnh 1 tháng một lần (tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán là 9,3%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền tài sản, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của Công ty tương tự như Khoản vay ngắn hạn cùng Ngân hàng (Xem thuyết minh số V.16a) và tài sản hình thành từ chính vốn vay này.
- (ii) **Bà Hồ Nhật Lệ:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay ngày 25/12/2019, thời gian vay 60 tháng, lãi suất 8%/năm, tiền vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (iii) **Bà Hoàng Thị Phương:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay ngày 01/10/2021 và phụ lục số 01PL/HĐCV/YBM-HTP-2110, thời hạn vay đến 31/12/2024, lãi suất 8%/năm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã thanh toán hết toàn bộ khoản vay.
- (iv) **Bà Đặng Minh Trang:** Vay tín chấp theo Hợp đồng vay số HĐCV/2023/YBM-ĐMT ngày 31/3/2023, thời gian vay 36 tháng, lãi suất 5%/năm, tiền lãi vay được trả vào cuối thời hạn vay.
- (v) **Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi Trust - Chi nhánh Hà Nội:** Thuê tài chính theo các hợp đồng ký năm 2018, tài sản thuê tài chính là hệ thống phân tích thước hạt, máy tráng phủ và dây chuyền nghiền thô - rửa đá, thời hạn 60 tháng. Lãi suất là 8,5%/năm trong vòng 3 tháng đầu tiên, từ tháng thứ 4 lãi suất thuê được tính bằng lãi suất tham chiếu (lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm) cộng biên độ 2,6%/năm.
- (vi) **Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam:** Thuê tài chính để mua máy móc thiết bị theo các hợp đồng thuê:

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngày ký kết	Số tiền	Thời hạn thuê	Thời hạn thu hồi nợ gốc	Lãi suất
04/6/2018	17.931.240.615 VND và 467.600 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng (đối với USD); và 57 tháng, ân hạn 3 tháng (đối với VND)	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng bằng đồng USD cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm (đối với USD); Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 3%/năm (đối với VND)
29/8/2018	2.035.727.273 VND	36 và 60 tháng	33 tháng và 57 tháng, ân hạn 3 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 3%/năm
20/12/2020	102.900 USD	60 tháng	60 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 3%/năm
08/6/2021	757.600 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng bằng đồng USD cùng thời điểm cộng biên độ 3,1%/năm
08/3/2023	960.000 USD	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,8%/năm
19/6/2023	4.256.600.000 VND	60 tháng	59 tháng, ân hạn 1 tháng	Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng VND cùng thời điểm cộng biên độ 2,9%/năm

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	14.136.000.000	2.480.000.000	11.656.000.000
Vay dài hạn các cá nhân	9.500.000.000	-	9.500.000.000
Nợ thuê tài chính	33.639.605.991	8.960.243.712	24.679.362.279
<b>Cộng</b>	<b>57.275.605.991</b>	<b>11.440.243.712</b>	<b>45.835.362.279</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn các cá nhân	22.600.000.000	-	22.600.000.000
Nợ thuê tài chính	18.509.284.621	8.175.477.936	10.333.806.685
<b>Cộng</b>	<b>41.109.284.621</b>	<b>8.175.477.936</b>	<b>32.933.806.685</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Vay dài hạn các cá nhân	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	-	22.600.000.000	18.509.284.621	41.109.284.621
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	14.136.000.000	5.000.000.000	20.679.608.720	39.815.608.720
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(18.100.000.000)	(5.603.919.059)	(23.703.919.059)
Tăng do đánh giá lại CLTG cuối kỳ	-	-	54.631.709	54.631.709
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.136.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>33.639.605.991</b>	<b>57.275.605.991</b>

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	142.998.800.000	-	36.234.228.083	179.233.028.083
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	5.769.309.316	5.769.309.316
Trích lập các quỹ	-	8.416.238.169	(8.416.238.169)	-
Chia cổ tức	-	-	(14.299.880.000)	(14.299.880.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>142.998.800.000</b>	<b>8.416.238.169</b>	<b>19.287.419.230</b>	<b>170.702.457.399</b>
Số dư đầu năm nay	142.998.800.000	8.416.238.169	23.382.783.327	174.797.821.496
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	6.738.129.703	6.738.129.703
Chia cổ tức	-	-	(7.149.940.000)	(7.149.940.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>142.998.800.000</b>	<b>8.416.238.169</b>	<b>22.970.973.030</b>	<b>174.386.011.199</b>

**17b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.299.880	14.299.880
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.299.880	14.299.880

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**17c. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2022/NQĐHĐCĐ ngày 17 tháng 6 năm 2023 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông (5%/vốn điều lệ) : 7.149.940.000 VND

**18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 162.467,67 USD (số đầu năm là 48.797,59 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	9.894.550.000	23.169.218.000
Doanh thu bán thành phẩm	245.283.730.034	202.908.255.296
<b>Cộng</b>	<b>255.178.280.034</b>	<b>226.077.473.296</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu nội địa	193.544.908.460	160.358.555.033
Doanh thu xuất khẩu	61.633.371.574	65.718.918.263
<b>Cộng</b>	<b>255.178.280.034</b>	<b>226.077.473.296</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng hóa, thành phẩm cho công ty con. Các giao dịch về bán hàng hóa, thành phẩm cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	33.555.705.700	39.492.018.300
Công ty Cổ phần Polyfill	66.216.364.440	41.122.227.430
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	47.190.000	123.580.000
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	33.329.816.438	22.934.076.050
<b>Cộng</b>	<b>133.149.076.578</b>	<b>103.671.901.780</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	1.631.440.630	22.750.000
Giảm giá hàng bán	46.757.500	9.065.000
<b>Cộng</b>	<b>1.678.198.130</b>	<b>31.815.000</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.716.423.562	21.604.016.263
Giá vốn của thành phẩm đã bán	170.452.380.618	128.839.796.535
<b>Cộng</b>	<b>180.168.804.180</b>	<b>150.443.812.798</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giá vốn nội địa</i>	<i>146.221.833.724</i>	<i>120.955.528.074</i>
<i>Giá vốn xuất khẩu</i>	<i>33.946.970.456</i>	<i>29.488.284.724</i>
<b>Cộng</b>	<b>180.168.804.180</b>	<b>150.443.812.798</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.091.631	2.383.277
Lãi cho vay	-	417.123.288
Lãi bán ngoại tệ	404.302.660	467.739.610
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	494.216.418	565.521.681
<b>Cộng</b>	<b>902.610.709</b>	<b>1.452.767.856</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.051.014.099	6.723.131.858
Dự phòng tổn thất đầu tư	11.285.836	11.360.844
Lỗ bán ngoại tệ	30.794.544	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	297.580.283	347.963.286
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.219.146.624	218.453.155
<b>Cộng</b>	<b>8.609.821.386</b>	<b>7.300.909.143</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.203.853.707	1.319.244.552
Chi phí vật liệu, bao bì	510.188.424	568.297.662
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	10.585.125
Chi phí vận chuyển	52.273.963.593	57.745.434.090
Các chi phí khác	489.402.638	921.933.269
<b>Cộng</b>	<b>54.477.408.362</b>	<b>60.565.494.698</b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.291.620.550	801.102.985
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.478.823	47.149.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	350.706.081	339.409.772
Thuế, phí và lệ phí	327.950.226	337.513.209
Trích lập Dự phòng phải thu khó đòi	94.381.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.656.426	393.465.338
Các chi phí khác	133.279.272	42.349.421
<b>Cộng</b>	<b>2.774.072.878</b>	<b>1.960.990.616</b>

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	120.859.620.139	83.992.818.447
Chi phí nhân công	11.327.397.626	9.629.222.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.389.201.996	9.189.472.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.049.920.548	85.842.869.506
Chi phí khác	1.782.893.623	2.257.850.147
<b>Cộng</b>	<b>232.409.033.932</b>	<b>190.912.233.461</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.15.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Kỳ này</b>				
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT/ Giám đốc (từ 09/02/2023)	118.709.600	30.000.000	148.709.600
Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên HĐQT độc lập	-	30.000.000	30.000.000
Ông Huỳnh Song Trà (*)	Giám đốc (đến 09/02/2023)	-	-	-
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	156.479.200	-	156.479.200
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	34.000.000	-	34.000.000
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Đình Chính	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>309.188.800</b>	<b>162.000.000</b>	<b>471.188.800</b>
<b>Kỳ trước</b>				
Ông Vũ Đức Hậu	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	60.000.000
Ông Hoàng Anh Quân	Thành viên HĐQT	123.344.800	30.000.000	153.344.800
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên HĐQT độc lập (đến 25/06/2022)	-	30.000.000	30.000.000
Ông Huỳnh Song Trà (*)	Giám đốc	-	-	-
Ông Lê Hoàn	Phó Giám đốc	116.266.892	-	116.266.892
Bà Đào Thị Dịu	Kế toán trưởng	23.500.000	-	23.500.000
Ông Nguyễn Văn Don	Trưởng BKS	-	18.000.000	18.000.000
Ông Mai Đình Đình	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Ông Lê Đình Chính	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>		<b>263.111.692</b>	<b>162.000.000</b>	<b>425.111.692</b>

(\*) Giám đốc không nhận lương.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI**

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH TALC Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Polyfill	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhựa gỗ Châu Âu	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Yên Bái	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu</b>		
Mua nguyên vật liệu	1.786.479.000	1.253.632.000
Thuê văn phòng	172.935.484	-
<b>Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An</b>		
Mua nguyên vật liệu	831.000.000	1.500.000.000
Mua tài sản cố định	327.983.000	-
<b>Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Chân Thiện Mỹ</b>		
Mua nguyên vật liệu	3.539.488.939	1.955.620.062
Ứng tiền mua đá theo Hợp đồng nguyên tắc	-	1.600.000.000
Thu lại tiền ứng mua đá	7.600.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Khoáng sản Marble Việt Nam</b>		
Mua nguyên vật liệu	45.713.420.253	-
Ứng tiền mua đá theo Hợp đồng nguyên tắc	20.000.000.000	-
Thu lại tiền ứng mua đá	3.000.000.000	-

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN CÔNG NGHIỆP YÊN BÁI

Địa chỉ: Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Thông tin về bộ phận

##### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu).

Thông tin về doanh thu, giá vốn khu vực nội địa và xuất khẩu được trình bày ở Thuyết minh VI.1 và VI.2. Tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của Công ty chỉ tập trung ở khu vực nội địa.

Tài sản và nợ phải trả của khách hàng/nhà cung cấp khu vực trong nước và nước ngoài được trình bày ở Thuyết minh V.3 và V.11. Các tài sản và nợ phải trả còn lại không được theo dõi theo bộ phận.

##### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh bột đá CaCO<sub>3</sub>.

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 23.11/NQ-HĐQT về việc phê duyệt phương án chia cổ tức năm 2022. Khoản cổ tức phải trả này đã được ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Bùi Hai Võ

Kế toán trưởng

Đào Thị Dịu



Hoàng Anh Quân

